

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **31** /2006/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày **09** tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê chuẩn Phương án di dân tái định cư
dự án Khu công nghiệp Bình Vàng**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG KHÓA XV- KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Nghị định số: 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về
Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 36/NĐ-CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ về ban
hành quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số: 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính
phủ phê duyệt quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm
2015 và định hướng đến năm 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 342/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2006
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc xin phê duyệt Phương án di dân tái
định cư dự án Khu công nghiệp Bình Vàng;

Hội đồng nhân dân tỉnh đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Phương án di dân tái định cư dự án Khu công nghiệp
Bình Vàng (có Phương án cụ thể kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/12/2006.

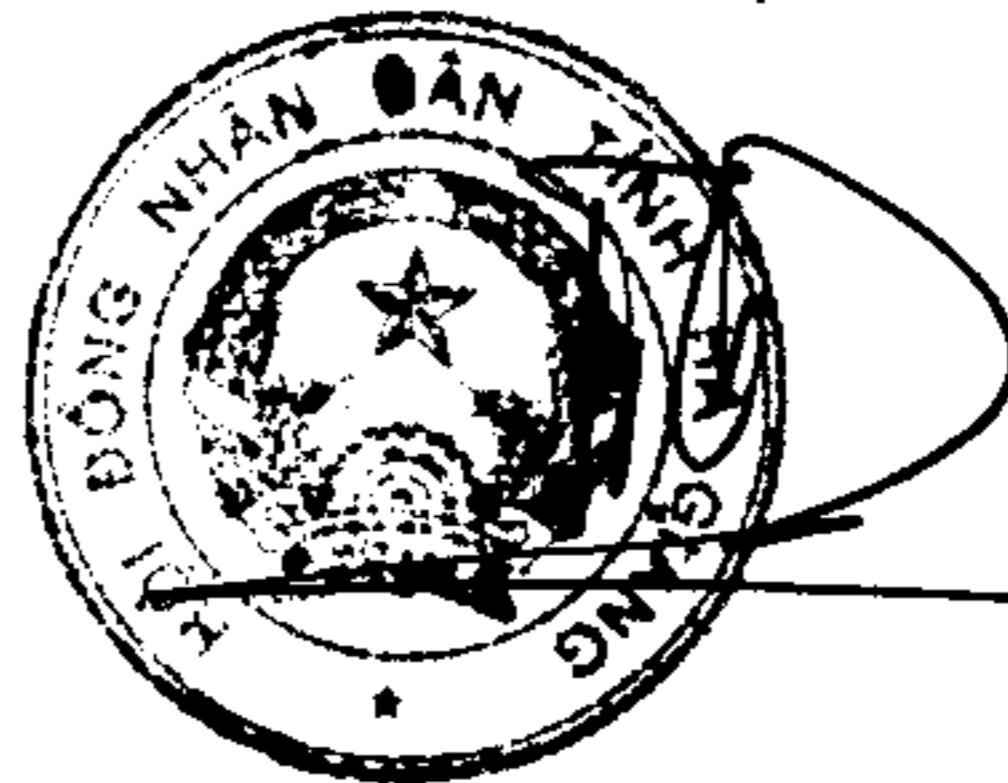
Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ
chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khoá XV - Kỳ
họp thứ 8 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XI;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Công nghiệp;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND - UBND các huyện, thị;
- Chuyên viên HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT. *VT*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Xuân



Di dân tái định cư dự án Khu công nghiệp Bình Vàng
(Kèm theo Nghị quyết số 12006/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2006 của HĐND tỉnh Hà Giang)

Phần I

QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHU CÔNG NGHIỆP VÀ DI DÂN, TÁI ĐỊNH CƯ KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH VÀNG

I. Lựa chọn quy mô Khu công nghiệp.

Quy hoạch Khu công nghiệp nằm trong diện tích của 03 thôn: Thôn Bình Vàng, thôn Mới và thôn Trần. Trừ phần diện tích phía bắc của thôn Bình Vàng, phía nam của thôn Trần và phần diện tích giáp chân núi của cả 03 thôn do địa hình dốc độ dốc từ 30% là 313,7 ha không thể sử dụng cho Khu công nghiệp, nên diện tích thực tế để quy hoạch cho Khu công nghiệp còn là 305 ha.

II. Định hướng bố trí tái định cư dự án Khu công nghiệp Bình Vàng.

1. Quan điểm, định hướng bố trí tái định cư Dự án Khu công nghiệp Bình Vàng.

a) Quan điểm chung.

Quan điểm chung trong việc bố trí tái định cư dự án Khu công nghiệp Bình Vàng là đảm bảo cho người dân tái định cư có cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ và người dân sở tại cũng được hưởng lợi từ chương trình tái định cư.

b) Định hướng bố trí tái định cư dự án Khu công nghiệp Bình Vàng.

Tái định cư trong xã là chính, với hình thức tái định cư là theo yêu cầu của dân, có thể tái định cư tập trung hoặc tự di dời trong phạm vi xã, huyện hoặc trong tỉnh (như mô hình tái định cư lòng hồ thủy điện ngay tại Bắc Mê).

III. Tổng hợp khả năng tái định cư trên địa bàn xã Đạo Đức.

Trong diện tích 305 ha đất quy hoạch thành Khu công nghiệp có 140 hộ dân với 700 nhân khẩu đang sinh sống và dự kiến bố trí tái định cư tại 2 khu tái định cư thôn Trần và thôn Đức Thành thuộc xã Đạo Đức huyện Vị Xuyên.

Nội dung tóm tắt của Phương án quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án Khu công nghiệp Bình Vàng (Phương án tái định cư cho các hộ phải di chuyển khỏi khu vực Khu công nghiệp Bình Vàng):

- *Thôn Đức Thành:* Tái định cư xen ghép kết hợp với quy hoạch trung tâm thị trấn Vị Xuyên giai đoạn 2005-2010 đã xác định như sau: Khu tái định cư đảm bảo về mặt sinh hoạt, sản xuất và các công trình công cộng. Khu tái định cư thôn Đức Thành sẽ tiếp nhận 75 hộ với 375 khẩu.

- *Thôn Trần:* Khu tái định cư định cư xen ghép kết hợp với quy hoạch Khu công nghiệp và Quy hoạch thị tứ đầu cầu km 18 từ quốc lộ 2 sang Khu công nghiệp huyện Vị Xuyên. Khu tái định cư thôn Trần sẽ tiếp nhận 65 hộ với 325 khẩu.

IV. Phương án quy hoạch đất và giải pháp di dân.

1. Di dân theo quy hoạch.

Quỹ đất dành cho xây dựng tái định cư được tạo ra chủ yếu từ đất chuyển nhượng của người dân sở tại nơi tiếp nhận tái định cư (diện tích đất do khai hoang và diện tích đất chưa sử dụng không đáng kể).

Toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp có độ dốc trên 30% là 313,7 ha nằm dọc theo chân núi được giữ nguyên (hoặc có phương án chia lại) cho các hộ dân, bình quân mỗi hộ được quản lý, sử dụng khoảng 1,5 ha.

a) Thôn Đức Thành.

Qua khảo sát thực tế, tổng số hộ cần tái định cư tại thôn Đức Thành là 75 hộ với khoảng 375 nhân khẩu cộng với số hộ hiện tại không bị ảnh hưởng là 49 hộ với 291 nhân khẩu. Vậy tổng số hộ cả cũ và mới của thôn Đức Thành sau tái định cư là 124 hộ, tương ứng với khoảng 666 nhân khẩu.

Diện tích cụ thể các loại đất sau quy hoạch của thôn Đức Thành như sau:

Tổng diện tích tự nhiên: 107,1ha. Trong đó:

- Đất ruộng 1 vụ lúa + màu: 5 ha.
- Đất trồng chè: 33 ha.
- Đất thổ cư + vườn tạp: 7 ha.
- Đất nhà máy, xí nghiệp: 37 ha.
- Đất khác: 25,1ha.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại thôn này là 38 ha (gồm đất trồng chè và đất 1 vụ lúa + màu). Bình quân 1 hộ sau quy hoạch sẽ có $38 \text{ ha}/124 \text{ hộ} = 3.064,5 \text{ m}^2/\text{hộ}$ hoặc $570,5 \text{ m}^2/\text{khẩu}$. Như vậy diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở khu vực này đáp ứng đủ cho số khẩu theo quy hoạch.

Bình quân diện tích đất ở sau quy hoạch sẽ là $7 \text{ ha}/124 \text{ hộ} = 564,5 \text{ m}^2/\text{hộ}$. Vậy diện tích đất ở đã đáp ứng đủ nhu cầu.

Đất lâm nghiệp mỗi hộ sẽ có khoảng 1,5 ha.

b) Thôn Trần.

Qua khảo sát thực tế, thôn Trần hiện có 39 hộ với khoảng 195 nhân khẩu không phải di chuyển. Nếu bố trí xen ghép thêm 65 hộ với 325 nhân khẩu nữa thì tổng số hộ của thôn Trần sẽ là 104 với khoảng 520 khẩu.

Diện tích cụ thể các loại đất sau quy hoạch của thôn Trần như sau:

Tổng diện tích tự nhiên: 168,25ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 32 ha.
- Đất lâm nghiệp: 114,9ha.
- Đất thổ cư + vườn tạp: 4,22 ha.
- Đất khác: 17,13ha.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại thôn này là 32 ha (đất 1 vụ lúa + màu). Bình quân diện tích đất nông nghiệp sau quy hoạch sẽ là $32 \text{ ha}/104 \text{ hộ} = 3.076,9 \text{ m}^2/\text{hộ}$ hoặc $615,4 \text{ m}^2/\text{khẩu}$. Như vậy diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở khu vực này đáp ứng đủ cho nhu cầu theo quy hoạch.

Bình quân diện tích đất ở sau quy hoạch sẽ là $4,22 \text{ ha}/104 \text{ hộ} = 405 \text{ m}^2/\text{hộ}$. Vậy diện tích đất ở đáp ứng đủ nhu cầu quy hoạch.

Đất lâm nghiệp mỗi hộ sẽ có khoảng 1,5 ha.

2. Di dân theo nguyện vọng (nhà nước trả kinh phí đền bù).

Phương án này thực hiện theo phương thức nhà nước đền bù cho mỗi hộ dân một khoản tiền tùy thuộc vào giá trị tài sản và đất đai, người dân tự lựa chọn nơi ở mới phù hợp trong phạm vi xã, huyện hoặc trong toàn tỉnh.

Phần II
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN DI DÂN, TÁI ĐỊNH CƯ KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH VÀNG

I. Dự toán kinh phí chi trả thiệt hại về đất đai, tài sản, hoa màu.

1. Tổng dự toán kinh phí đền bù của Dự án di dân tái định cư của dự án Khu công nghiệp Bình Vàng là 28.520 triệu đồng (*hai mươi tám tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng chẵn*). Tương ứng với chi phí bình quân cho 1 hộ tái định cư là 203,7 triệu đồng và chi phí bình quân cho 1 ha đất Khu công nghiệp là 93,5 triệu đồng (khi thh đền bù toàn bộ 305 ha đất Khu công nghiệp).

2. Trước mắt thực hiện đền bù và thu hồi 100 ha đất xây dựng Khu công nghiệp và Khu phụ trợ) với tổng dự toán kinh phí là 12.345 triệu đồng, trong đó:

- Khu phụ trợ: 30 ha x 93,5 = 2.805 triệu đồng.
- Khu công trình công nghiệp: 70 ha x 93,5 = 6.545 triệu đồng.
- Đường giao thông từ cầu km 21 Vị Xuyên vào Khu công nghiệp ước 3.000 triệu đồng.

II. Phân kỳ đầu tư.

1. Công tác lập quy hoạch.

- Lập quy hoạch chung 305 ha.
- Lập quy hoạch chi tiết 200 ha.
- Lập quy hoạch di dân tái định cư 93,5 ha.

Công tác khảo sát lập quy hoạch thực hiện trong năm 2006 và quý I năm 2007.

2. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng.

a) Đền bù giải phóng mặt bằng.

Lập quy hoạch chung và thông báo quy hoạch 305 ha, trước mắt đền bù giải phóng mặt bằng 100 ha để lập dự án đầu tư (phần diện tích Khu công nghiệp và khu phụ trợ, phù hợp với quy mô Khu công nghiệp Chính phủ đã cho phép quy hoạch), phần diện tích còn lại sẽ thực hiện thu hồi và đền bù theo tiến độ giao đất cho các dự án đầu tư trong Khu công nghiệp. Trong thời gian chưa thu hồi đất người dân vẫn được phép sản xuất, khi nhà nước thu hồi sẽ di chuyển đến khu tái định cư.

b) Đền bù giải phóng mặt bằng các công trình giao thông.

Đền bù giải phóng mặt bằng đường giao thông 2 làn xe từ đầu cầu km 21 Vị Xuyên đến Khu công nghiệp. Thực hiện trong quý IV/2006 và quý I/2007.

c) Đền bù giải phóng mặt bằng hai đầu cầu cứng nối từ km 18 quốc lộ 2 đến Khu công nghiệp sẽ thực hiện sau khi Chính phủ phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp.

3. Dự kiến nguồn vốn.

- Vốn ngân sách Trung ương (hỗ trợ trong qui mô 100 ha theo qui hoạch của Chính phủ). Nguồn vốn này chỉ có sau khi được Chính phủ phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp.

- Vốn ngân sách của tỉnh Hà Giang.

- Vốn do Ban Quản lý Khu công nghiệp vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Giang.

- Vốn ứng trước của doanh nghiệp.

